

Bài 7

PHƯƠNG PHÁP “PROCESS TRACING”



Giảng viên: Đỗ Thiên Anh Tuấn
Có bổ sung từ bài giảng Thầy Vũ Thành Tự Anh

Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright
Học kỳ Hè, 2023

Nội dung trình bày



- ❧ Hiểu về phương pháp “truy vết quá trình”
- ❧ Phương pháp truy vết quá trình
 - ❧ Bốn phép kiểm định của truy vết quá trình

Hiểu về phương pháp truy vết quá trình (PT)

- ❧ PT trong khoa học xã hội là một phương pháp nghiên cứu cơ chế nhân quả liên kết nguyên nhân với kết quả. PT cho phép nhà nghiên cứu đưa ra những suy luận chắc chắn về cách một nguyên nhân (hoặc một tập hợp các nguyên nhân) góp phần tạo ra một kết quả (Derek Beach and Rasmus Brun Pedersen 2019).
- ❧ PT là 'việc phân tích bằng chứng về các quy trình, trình tự và sự kết hợp của các sự kiện trong một vụ việc nhằm mục đích phát triển hoặc kiểm tra các giả thuyết về cơ chế nhân quả, tức giúp giải thích một cách nhân quả về vụ việc' (Bennett and Checkel 2015)
- ❧ PT là một phương pháp nghiên cứu định tính nhằm xác định các quá trình nhân quả - chuỗi nhân quả và cơ chế nhân quả - giữa một hoặc nhiều nguyên nhân tiềm ẩn và kết quả.
- ❧ PT có thể được sử dụng cho cả mục đích quy nạp (tạo ra lý thuyết) và suy diễn (kiểm tra lý thuyết)
- ❧ Ý nghĩa của PT như một phương pháp giải thích nguyên nhân - kết quả của nghiên cứu tình huống với số quan sát N nhỏ.

“Định lý Bayes” trong nghiên cứu định tính của khoa học xã hội

- ❧ Định lý Bayes (Thomas Bayes, mục sư, nhà thống kê và triết học) tính xác suất xảy ra của một sự kiện ngẫu nhiên A khi biết sự kiện liên quan B đã xảy ra.
- ❧ Định lý Bayes được ví như định lý Pythagoras trong hình học.

$$P(A|B) = \frac{P(B|A)P(A)}{P(B)}$$

- ❧ Xác suất Bayes có thể đóng vai trò như là cầu nối quan trọng giữa phương pháp định tính và định lượng.
- ❧ “Xác suất của Bayes như logic mở rộng”: Xác suất biểu thị mức độ tin tưởng hợp lý vào các mệnh đề dựa trên thông tin hạn chế chắc chắn mà chúng ta có
- ❧ Tuy nhiên, Bayes trong khoa học xã hội định tính chắc chắn vấp phải khó khăn khi các xác suất không thể được xác định một cách rõ ràng

Khái niệm PT



- ❧ PT (process tracing) là quá trình kiểm tra các bằng chứng có tính “chẩn đoán” trong một tình huống nhằm góp phần ủng hộ hay phản đối các giả thuyết giải thích thay thế.
- ❧ Mục đích chính là lần theo tiến trình và cơ chế của sự kiện, qua đó tìm kiếm các biểu hiện có thể quan sát được của quy trình nhân quả giả thuyết.

Ưu điểm của PT

- ❧ Khuyến khích một cách tiếp cận nghiêm ngặt và minh bạch để đánh giá các thành tố tác động đến sự thay đổi.
- ❧ Cho phép xây dựng một lập luận hợp lý cho thấy chính xác nó đã tác động như thế nào vào một sự thay đổi (hoặc tập hợp các thay đổi) và so sánh điều này với các giải thích thay thế khác.
- ❧ Có thể giải thích cách thức và lý do xảy ra thay đổi.
 - ❧ Bổ sung quan trọng cho phương pháp định lượng (giải thích sự thay đổi đã xảy ra hay chưa hoặc mức độ như thế nào nhưng không phải lúc nào cũng trả lời được như thế nào (how) hoặc tại sao (why).
- ❧ Có thể được áp dụng cho hầu hết mọi thay đổi, miễn là có đủ bằng chứng để xác nhận rằng thay đổi đã diễn ra.
- ❧ Không yêu cầu nhóm kiểm soát, nhóm đối chứng hay kịch bản cơ sở.
- ❧ Xác định mối quan hệ nhân quả từ mối quan hệ tương quan.

Hạn chế của PT

- ❧ Khó hiểu và hơi hàn lâm đối với những người mới thực hành.
- ❧ Đòi hỏi thời gian để hiểu phương pháp luận, cách phát triển và mô tả nhiều giả thuyết, thu thập và phân tích bằng chứng và báo cáo kết quả.
- ❧ Đòi hỏi phải tạo ra nhiều bằng chứng.
 - ❧ Thu thập đủ bằng chứng để đánh giá một phiên bản thay đổi cụ thể đã khó, việc thu thập bằng chứng về nhiều giả thuyết càng khó hơn.
- ❧ Nhiệm vụ có thể trở nên quá lớn và một hoặc nhiều giả thuyết có thể không được kiểm tra đúng cách, dẫn đến những kết luận chưa được chứng minh hoặc không rõ ràng.
- ❧ Khó áp dụng khi những thay đổi không chắc chắn hoặc chưa biết.
 - ❧ Nhiều đánh giá được thiết kế và tiến hành trước khi biết được kết quả của một dự án/chương trình/chính sách. Khó khăn lúc này là chưa có bằng chứng về những kết quả thay đổi làm cơ sở cho việc phân tích.

Phê bình đối với PT



- ❧ “Hồi quy vô hạn” giữa bất kỳ hai liên kết trong chuỗi cơ chế nhân quả (KKV 1994:86)
- ❧ Hạn chế về “bậc tự do”: N-nhỏ, thiết kế nghiên cứu không xác định
- ❧ Câu trả lời: Giá trị của các mẫu dữ liệu định tính không tương đồng
 - ❧ Có thể chỉ một mẫu dữ liệu quan trọng đã đủ sức ủng hộ hay phản bác một giả thuyết
 - ❧ Trong khi rất nhiều mẫu dữ liệu ít quan trọng lại không đủ làm được điều này.

Bốn phép kiểm định của PT



- ❧ Kiểm định “nhảy qua vòng” (hoop test): Những giả thuyết không “nhảy” được qua vòng sẽ bị loại trừ
 - ❧ Điều kiện cần, không phải điều kiện đủ
 - ❧ Không giúp “khẳng định” giả thuyết
- ❧ Kiểm định “súng bốc khói” (smoking gun test): Những giả thuyết qua được phép thử này được khẳng định là “đúng đắn”
 - ❧ Điều kiện đủ, không phải điều kiện cần
 - ❧ Không giúp phủ định giả thuyết

Bốn phép kiểm định của PT (tt)



- ❧ Kiểm định “rơm trước gió” (straw in the win test):
Những giả thuyết vượt được kiểm định này sẽ có thêm sức nặng ủng hộ, còn không vượt được cũng không đủ cơ sở để phủ định hoàn toàn.
 - ❧ Không phải điều kiện cần, cũng chẳng là điều kiện đủ
- ❧ Kiểm định “xác quyết kép” (doubly decisive test):
Giả thuyết nào vượt qua kiểm định này được “khẳng định”, còn không vượt qua sẽ bị phủ định
 - ❧ Là điều kiện cần, đồng thời là điều kiện đủ

Ví dụ về 4 phép kiểm định PT

☞ Kiểm định “rơm trước gió” (straw in the wind test)

- ☞ Mục đích ủng hộ một giả thuyết cụ thể nhưng không loại trừ nó.
- ☞ Ví dụ xác định liệu tập đoàn Vina có phải đã ảnh hưởng vận động chính phủ làm căng Cần Giờ hay không. Kiểm định “rơm trước gió” không phải là bằng chứng quyết định, nhưng có thể làm tăng tính hợp lý của lập luận rằng Vina đã ảnh hưởng đến chính sách.

☞ Kiểm định “nhảy qua vòng” (hoop test)

- ☞ Mục đích để loại bỏ một giả thuyết nào đó.
- ☞ Ví dụ, nếu một cơ quan chính phủ đã thay đổi quyết định về một chính sách trong một hội nghị, thì sự hiện diện tại hội nghị đó có thể cấu thành một bài kiểm tra vòng.
- ☞ Mặc dù sự hiện diện của đó không chứng minh được bất kỳ ảnh hưởng nào đối với sự thay đổi. Nhưng sự vắng mặt sẽ làm suy yếu bất kỳ lập luận nào cho rằng cơ quan đã ảnh hưởng đến sự thay đổi.

☞ Kiểm định “súng bốc khói” (smoking gun test)

- ☞ Mục đích để xác định một giả thuyết.
- ☞ Ví dụ, nếu chính phủ thừa nhận công khai rằng một NHTW có ảnh hưởng đối với sự thay đổi của lạm phát thì đây là cơ sở đầy đủ để thiết lập một số quan hệ nhân quả.
- ☞ Tất nhiên, điều này không có nghĩa là các tổ chức hoặc yếu tố khác sẽ không thể ảnh hưởng đến sự thay đổi của lạm phát ngoài NHTW.
- ☞ Ngoài ra, nếu không vượt qua được bài kiểm tra “súng bốc khói” thì không nhất thiết có nghĩa là NHTW không ảnh hưởng đến sự thay đổi của lạm phát theo một cách nào đó.

☞ Kiểm định “xác quyết kép” (doubly decisive test)

- ☞ Mục đích xác nhận một giả thuyết và loại bỏ tất cả các giả thuyết khác.
- ☞ Ví dụ, chính phủ tuyên bố công khai rằng Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm duy nhất trong việc thông báo cho chính phủ về tình trạng thị trường bất động sản và giúp chính phủ thay đổi quyết định.

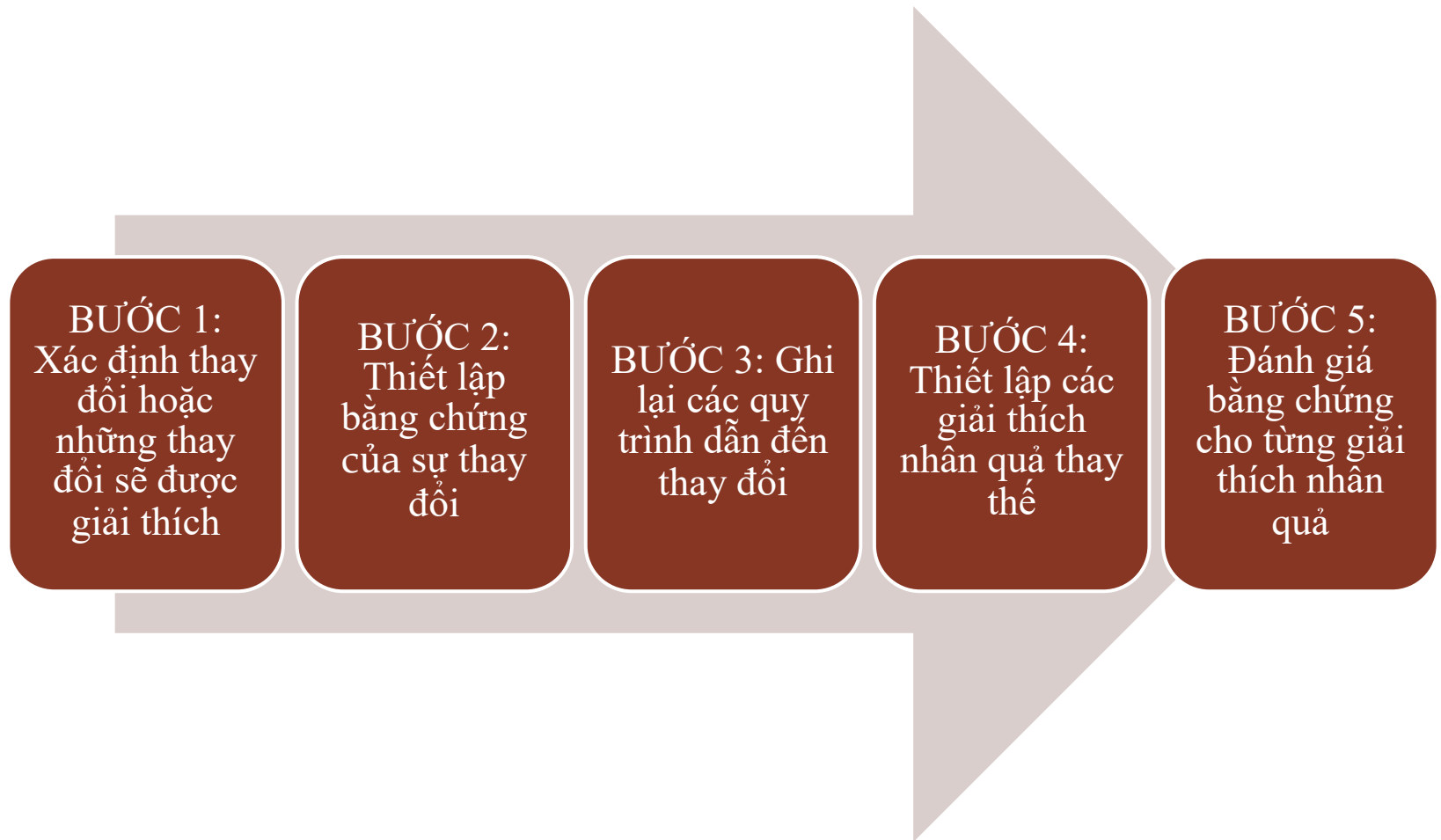
Tóm tắt bốn phép kiểm định



Đủ để thiết lập quan hệ nhân quả

		Đủ để thiết lập quan hệ nhân quả	
		Không	Có
Cần để thiết lập quan hệ nhân quả	Không	Kiểm định " <u>rom trước gió</u> " Vượt qua phép kiểm định này sẽ khẳng định sự phù hợp của giả thuyết nhưng không xác nhận nó.	Kiểm định " <u>súng bốc khói</u> " Vượt qua phép kiểm định này sẽ xác nhận giả thuyết.
		Không vượt qua kiểm định này thì giả thuyết có lẽ không phù hợp, nhưng không giúp loại trừ giả thuyết	Việc không vượt qua kiểm định này vẫn không loại trừ giả thuyết.
	Có	Kiểm định " <u>nhảy qua vòng</u> " Vượt qua phép kiểm định này sẽ khẳng định sự phù hợp của giả thuyết nhưng không xác nhận nó.	Kiểm định " <u>xác quyết kép</u> " Vượt qua phép kiểm định này sẽ giúp xác nhận giả thuyết và loại trừ các giả thuyết khác.
		Việc không vượt qua kiểm định này sẽ giúp loại bỏ giả thuyết	Việc không vượt qua kiểm định này sẽ giúp loại bỏ giả thuyết

Gợi ý một quy trình mẫu về PT



Chiến lược thu thập và phân tích dữ liệu

- ❧ Thông tin/tài liệu: Tài liệu chính thức, báo cáo truyền thông, phỏng vấn các bên liên quan, quan sát sự kiện
- ❧ Phân tích văn bản và phân tích diễn ngôn (Neville và Weinthal 2016)
- ❧ Kỹ thuật ghi chép lịch sử (Bennett và Checkel 2015)
- ❧ Kiểm tra chéo trên nhiều nguồn dữ liệu khác nhau